

Bản án số: 23/2023/HS-ST

Ngày 04-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lưu Đình Mạnh;

- Ông Hoàng Đại Lâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Hồng Nhung - Thư ký viên của Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà:
Bà Vũ Thị Thanh Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày từ ngày 28/4/2023 đến ngày 04/5/2023, tại Phòng xử án hình sự, trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý 14/2023/TLST-HS ngày 03/4/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 18/2023/QĐXXST-HS ngày 10/4/2023, đối với bị cáo:

Đặng Văn T, tên gọi khác: Không, sinh ngày 19/8/1970, tại huyện M, thành phố Hà Nội; nơi thường trú tổ 01, thị trấn V, huyện V, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Cán bộ; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, Ủy viên Ban thường vụ Đảng uỷ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang, bị đình chỉ sinh hoạt đảng theo theo Quyết định số 132-QĐ/UBKTTU ngày 10/6/2022 của Ủy ban kiểm tra Tỉnh uỷ Hà Giang; con ông Đặng Văn N1 và bà Đặng Thị L (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị T1, sinh năm 1972; có 02 con, lớn nhất sinh năm 1994, nhỏ nhất sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2022 đến ngày 18/10/2022, bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn là bảo lãnh; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Khả C, sinh năm 1979; địa chỉ số nhà 293a, đường L, tổ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

2. Ông Trần Văn P, sinh năm 1982; địa chỉ tổ 11, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

3. Ông Bùi Duy C1, sinh năm 1977; địa chỉ thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

4. Ông Lê Duy T2, sinh năm 1970; địa chỉ thôn Đội 5, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

5. Ông Phạm Công N, sinh năm 1959; địa chỉ: Tổ 01, phường N, thành phố H, tỉnh Hà Giang - Giám đốc Công ty TNHH S, Hà Giang; vắng mặt.

6. Ông Tô Danh X, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ 06, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang; Trưởng phòng Khoáng sản, Nước, Khí tượng, Thủy văn thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 12 giờ 27 phút, ngày 12/4/2022, Lê Khả C (*sinh ngày 20/11/1979; nơi cư trú tổ 14, phường T, thành phố H, là Phó Giám đốc Công ty TNHH S*), đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh (*Phòng Cảnh sát kinh tế*) tố giác tội phạm về hành vi "Nhận hối lộ" số tiền 50 triệu đồng đối với bị cáo Đặng Văn T (*sinh năm 1970; nơi cư trú tổ 1, thị trấn V, huyện V, Hà Giang*) là Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang trong việc đồng ý lùi lại thời gian kiểm tra thực địa mỏ khoáng sản Mangan Đ, huyện B, vào tháng 10/2021 theo đề nghị của Lê Khả C. C giao nộp 01 bì thư dán kín, phần mép dán của hai bên phong bì đã bị bong 1 phần, bên trong đựng tiền, chưa tiến hành kiểm đếm số tiền cụ thể và 01 USB vỏ nhựa một mặt màu đen có chữ SanDisk, mặt còn lại màu đỏ (*liên quan đến cuộc gọi đòi tiền ông T trả lại cho ông C ngày 7/4/2022*)

Quá trình điều tra cơ quan điều tra đã xác định được: Ngày 17/01/2020, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hà Giang ban hành Quyết định số 122/QĐ-UBND về việc phê duyệt đề án đóng cửa mỏ Mangan Đ, huyện B, tỉnh Hà Giang. Theo quy chế phân công thì Đặng Văn T là Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang được giao nhiệm vụ tham mưu thực hiện việc kiểm tra, nghiệm thu các hạng mục công trình theo Đề án đóng cửa mỏ Mangan Đ đã được phê duyệt.

Ngày 05/10/2021 thực hiện kết luận của Ban giám đốc Sở TN&MT, bị cáo T ký Giấy mời số 2839/STNMT - KSN để tiến hành mời cán bộ các cơ quan ban ngành (*Sở Công thương, Sở Xây dựng, UBND huyện B, UBND xã Đ và Công ty TNHH S*) tham gia đoàn kiểm tra kết quả thực hiện các hạng mục công trình theo đề án đóng cửa mỏ quặng Mangan Đ.

Sau khi biết việc Sở Tài nguyên và Môi trường có giấy mời kiểm tra thực địa mỏ Đ, Lê Khả C gọi điện thông báo cho Trần Văn P, sinh năm 1978; nơi cư trú tổ 11, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang (*là đối tượng đang tổ chức khai thác trái phép quặng tại mỏ Mangan Đ*) biết vì trước đó, khoảng

tháng 5/2021, P có rủ C tham gia khai thác quặng tại mỏ Đ, C không tham gia nhưng có hứa với P là nếu P khai thác quặng tại mỏ Đ mà cần gì thì C sẽ giúp.

Khi C thông báo cho P biết là Đoàn kiểm tra của Sở Tài Nguyên Môi trường sẽ kiểm tra mỏ vào ngày 12/10/2021 với mục đích là để P di dời máy móc thiết bị ra khỏi khu vực mỏ, thì P nhờ C giúp liên hệ xin giấy phép khai thác tận thu, để đầy đủ thủ tục khi khai thác mỏ, C đồng ý và bảo P tạm thời đưa cho C 150 triệu để C lo thủ tục xin giấy phép khai thác tận thu (*C và P thống nhất thừa thiếu tính sau*). Thống nhất xong, P điện thoại bàn bạc với Lê Duy T2, sinh 1970; nơi cư trú thôn Đội 5, xã N, huyện V, tỉnh Hà Giang (*là đối tượng đang cùng P tham gia khai thác trái phép quặng tại mỏ Đ*) về việc bảo T2 chi số tiền 150 triệu đồng để lo thủ tục xin giấy phép khai thác tận thu thì được T2 đồng ý.

Khoảng 8 giờ, ngày 06/10/2021, T1 đi một mình đến khu vực Quảng trường thành phố H gặp P để đưa cho P 90 triệu đồng và nói với P là còn thiếu 60 triệu đồng, T1 bảo với P là Bùi Duy C1, sinh 1977; nơi cư trú thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang (*là đối tượng đang cùng P, T1 khai thác trái phép quặng tại mỏ Đ*) sẽ chuyển khoản tiếp cho P. Sau đó, P và C1 liên hệ với nhau qua điện thoại thống nhất việc chuyển tiền là P cho số tài khoản của C để C1 chuyển vào tài khoản của C 60 triệu đồng. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày P mang số tiền 90 triệu đồng (*do T1 đưa trước đó*) để đưa cho C ở trước cửa nhà C (*gần Nhà hàng V, phường T, thành phố H*), tổng số tiền C đã nhận là 150 triệu đồng.

Đến khoảng đầu giờ chiều ngày 06/10/2021, C liên hệ qua điện thoại với bị cáo Đặng Văn T để gặp T tại cơ quan. Khi đến phòng làm việc của T (*tầng 2 của Sở tài Nguyên và Môi trường tỉnh*), tại đây C và T ngồi đối diện với nhau trên bàn, ghế uống nước được kê bên trong phòng làm việc của T, T ngồi trên ghế đơn hướng về phòng họp, còn C ngồi trên ghế dài hướng về phòng ngủ của T. Lúc này C trình bày hiện nay Công ty chưa thực hiện xong các hạng mục công trình theo đề án đóng cửa mỏ nên "*Xin lùi lại thời gian kiểm tra thực địa mỏ Mangan Đ sau tháng 11/2021*", đồng thời C đưa ra 01 phong bì màu trắng có in chữ "*Công ty TNHH S*" bằng mực màu xanh, bên trong có 50 triệu đồng và để trên bàn phòng làm việc của T, sau đó T đồng ý cho lùi thời gian kiểm tra mỏ Đ theo đề nghị của C; đồng thời T nói với C là "*Công ty phải làm văn bản đề nghị cụ thể nêu rõ nguyên nhân lý do để Sở Tài nguyên còn thông báo cho các ngành biết*". Sau khi C về, bị cáo T kiểm tra phong bì thấy bên trong có 50 triệu đồng, T không thông báo cho ai biết, không chia số tiền này cho ai, bị cáo khai cát số tiền này tại tủ ở phòng làm việc của bị cáo (*chưa sử dụng*), còn vỏ phong bì thì bị cáo đã hủy.

Sau khi thống nhất với bị cáo T và được T đồng ý cho lùi thời gian kiểm tra theo Giấy mời số 2839/STNMT-KSN của Sở Tài nguyên nêu trên, C về Công ty làm văn bản xin lùi thời gian kiểm tra theo hướng dẫn của bị cáo T để gửi đến Sở Tài nguyên. Do lúc đó ông Phạm Công N là Giám đốc Công ty TNHH S, tỉnh Hà Giang không có mặt tại Công ty nên C đã gọi điện báo cáo và

hỏi ý kiến ông N về việc cho C làm văn bản gửi đến Sở Tài nguyên để xin lùi thời gian kiểm tra thực địa mỏ Đ, được ông N đồng ý nên C đã soạn thảo công văn số 116/BC-GTSL ngày 07/10/2021, trong nội dung của công văn có nêu xin lùi thời gian kiểm tra, đồng thời báo cáo là Công ty đang khai thác sỏi quặng để đưa ra khỏi mỏ. Sau đó, C sử dụng hình dấu chữ ký của ông N đóng dưới mục Giám đốc trên công văn số 116/BC-GTSL và trực tiếp gửi đến Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh.

Đến khoảng 10 giờ, ngày 07/10/2021, bị cáo T truy cập vào hệ thống Vnptioffice của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh thì thấy Văn bản số 116 của Công ty TNHH S, có nội dung xin lùi thời gian kiểm tra thực địa mỏ Đ đến ngày 15/11/2021 và nội dung Công ty đang tuyển sỏi quặng còn lại vận chuyển ra ngoài. Thấy vậy, bị cáo T đã phân công trên hệ thống Vnptioffice với nội dung giao cho ông Tô Danh X (*sinh năm 1979; nơi cư trú tổ 6, phường M, thành phố H, tỉnh Hà Giang*) là Trưởng Phòng khoáng sản, nước, khí tượng thủy văn thực hiện việc tham mưu, xử lý văn bản trên; đồng thời bị cáo T gọi điện thoại chỉ đạo ông X xây dựng văn bản gửi đến các ngành (*Sở Công Thương, Sở Xây dựng, UBND huyện B, UBND xã Đ và Công ty TNHH S*) để Thông báo hoãn thời gian kiểm tra thực địa mỏ Đ và yêu cầu Công ty TNHH S dừng ngay hoạt động tuyển quặng khi chưa được cấp có thẩm quyền cho phép, báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ trước ngày 15/10/2021. Thực hiện chỉ đạo của bị cáo T, ông X đã giao cho cán bộ soạn thảo công văn số 2885/STNMT-KSN, ngày 08/10/2021, theo các nội dung hoãn kiểm tra để bị cáo T ký ban hành.

Khi nhận tiền của P, giữa P và C không thống nhất sẽ đưa tiền cho ai cụ thể mà chỉ trao đổi với nhau là nhờ C xin giấy phép khai thác tận thu. Sau khi đưa cho T 50 triệu đồng, C chưa thông báo cho P biết. C khai mới chỉ xin lùi lại thời gian kiểm tra thực địa tại mỏ Đ ngày 08/10/2021, còn nội dung xin khai thác tận thu chưa giúp được, do đó số tiền 100 triệu đồng C vẫn giữ (*đến ngày 13/10/2021 các đối tượng trong vụ khai thác khoáng sản tại mỏ Đ bị bắt giữ*). Từ khi vụ việc khai thác trái phép quặng ở mỏ Đ bị phát hiện, C không liên lạc được với P; đối với hình dấu chữ ký của ông N, C khai đã hủy còn số tiền 100 triệu đồng C đã sử dụng vào việc chi tiêu cá nhân. Khi làm việc tại Cơ quan điều tra, C đã nộp số tiền 100 triệu đồng tại cơ quan điều tra.

Ngày 06/4/2022, khi làm việc với cơ quan điều tra, Lê Khả C chưa khai báo việc đã đưa cho T 50 triệu đồng, vì C cho rằng nếu khai báo nội dung này sẽ không có căn cứ, sau đó C có gọi điện cho bị cáo T để đòi lại số tiền 50 triệu đồng và ghi âm lại nội dung cuộc gọi. Đến ngày 12/4/2022, sau khi được bị cáo T trả lại tiền, C đã lập tức mang đến Cơ quan điều tra để tố giác tội phạm về hành vi Nhận hối lộ của Đặng Văn T.

Kết quả trưng cầu giám định file ghi âm trong USB và số tiền 50 triệu: Tại bản Kết luận giám định số: 7582/KL-KTHS, ngày 23/12/2022 của Viện khoa học Hình sự Bộ Công an đã kết luận: **File ghi âm không bị cắt ghép, chỉnh sửa**. Trong quá trình điều tra cơ quan CSĐT đã cho Lê Khả C và bị cáo

Đặng Văn T nghe lại toàn bộ nội dung hội thoại trong file ghi âm, bị cáo T và C đều thừa nhận cuộc hội thoại là giọng nói của bị cáo T và Lê Khả C.

Tại bản Kết luận giám định số: 255/KL-KTHS, ngày 22/7/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Hà Giang đã kết luận: ***Toàn bộ 100 tờ tiền gửi giám định đều là tiền thật.***

Tại bản Cáo trạng số 08/CT-VKSHG-P1 ngày 30/3/2023 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội "Nhận hối lộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Đặng Văn T xác nhận toàn bộ diễn biến hành vi nhận số tiền 50.000.000 đồng của ông Lê Khả C để lùi thời gian kiểm tra khu mỏ quặng Đ, B như nội dung cáo trạng đã nêu, không có ý kiến bổ sung thêm; tuy nhiên, việc bị cáo nhận số tiền 50.000.000 đồng không phải do bị cáo gợi ý hoặc đòi hỏi C, mà do C tự nguyện đưa; khi C đi về, bị cáo mở phong bì ra mới biết trong đó có 50.000.000 đồng, bị cáo đã cất vào trong hộc tủ bàn làm việc. Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã rất ân hận về lỗi lầm của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang thực hành quyền công tố tại phiên toà đưa ra các chứng cứ tài liệu luận tội bị cáo, phân tích về tính chất vụ án, phương thức, thủ đoạn, động cơ, mục đích và mức độ thực hiện hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Đặng Văn T và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội "Nhận hối lộ".

- Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 1, khoản 5 Điều 354, điểm s, v, t khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 3 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 15 tháng đến 18 tháng tù về tội "Nhận hối lộ", thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù, được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2022 đến ngày 18/10/2022.

Hình phạt bổ sung: Cấm bị cáo Đặng Văn T đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn 02 năm kể từ ngày thi hành án xong. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo T.

- Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước số tiền 50.000.000 đồng đã chuyển đến Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

Trả lại cho bị cáo Đặng Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, có số IMEI: 013849004686023, gắn sim VIETTEL số: 0979.769.636, màu vàng đồng, có ốp phía sau, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng. Trả lại cho ông Lê Khả C 01 điện thoại di động Iphone 12, màu vàng đồng, có ốp phía sau, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng (điện thoại tạm giữ của Lê Khả C trong vụ án: "*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên, xảy ra tại Thôn B, xã Đ, huyện B*").

- Về án phí: Bị cáo Đặng Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Phản tranh luận: Bị cáo T nhất trí với nội dung luận tội, nhưng không nhất trí mức hình phạt đề nghị của đại diện Viện kiểm sát với lý do, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo không được gợi ý, hay đòi hỏi ông C phải đưa tiền để hoãn thời gian kiểm tra khu mỏ quặng mà tự ông C đã liên hệ với bị cáo và tự nguyện đưa tiền cho bị cáo; số tiền ông C đưa, bị cáo không biết được trong phong bì có bao nhiêu tiền; bị cáo chỉ có lỗi trong việc không báo cáo với Cơ quan nơi bị cáo công tác; đề nghị xem xét mức án thấp nhất và cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có điều kiện, thời gian bên ngoài điều trị bệnh.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp: Do bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên Viện kiểm sát đã đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự bị cáo T dưới khung hình phạt; bị cáo bị xét xử về tội phạm tham nhũng, chức vụ, nên cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự về tù có thời hạn đối với bị cáo để nhằm răn đe riêng và phòng ngừa chung đối với tội phạm này.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo đã nhận thức rõ hành vi vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối cải; trong suốt 28 năm công tác và 24 năm tuổi đảng, bị cáo luôn cố gắng phấn đấu hết mình để hoàn thành tốt nhiệm vụ được Đảng và Nhà nước giao phó, góp phần cống hiến cho sự nghiệp của tỉnh nhà, cho ngành; chỉ trong thời khắc không làm chủ được bản thân, bị cáo đã vi phạm pháp luật; sau khi phạm tội, bị cáo không được sử dụng số tiền trên mà chờ cơ hội để trả lại cho ông C và đã trả lại toàn bộ số tiền 50 triệu đồng cho ông C; hiện nay, bị cáo có rất nhiều bệnh phải cần thời gian để điều trị, đề nghị HĐXX xem xét cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất và xin được hưởng án treo để bị cáo cải tạo tại cộng đồng có điều kiện đi chữa bệnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; sau khi có ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo; xét thấy những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã có lời khai có trong hồ sơ vụ

án, việc vắng mặt không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ 292, Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự, HĐXX thảo luận và quyết định vẫn tiến hành xét xử.

[3] Về tội danh và định khung hình phạt: Căn cứ lời khai của bị cáo T tại phiên tòa, các lời khai tại giai đoạn điều tra, truy tố, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thống nhất, không mâu thuẫn; các kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. **Có đủ cơ sở kết luận:** Ngày 6/10/2021, ông Lê Khả C - Phó Giám đốc Công ty S đến phòng làm việc của bị cáo Đặng Văn T là Phó Giám đốc Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Hà Giang, theo lời đề nghị của ông C trình bày "*Xin lùi lại thời gian kiểm tra thực địa mỏ Mangan Đ sau tháng 11/2021*"; đồng thời ông C đưa 01 phong bì màu trắng có in chữ "*Công ty TNHH S*" bằng mực màu xanh, bên trong có 50 triệu đồng và để trên bàn phòng làm việc của bị cáo T, sau đó bị cáo T đồng ý cho lùi thời gian kiểm tra mỏ Đ theo đề nghị của ông C và hướng dẫn ông C là "*Công ty phải làm văn bản đề nghị cụ thể nêu rõ nguyên nhân lý do để Sở Tài nguyên còn thông báo cho các ngành biết*"; bị cáo T đã gọi điện thoại chỉ đạo ông Tô Danh X là Trưởng Phòng Khoáng sản, Nước, Khí tượng thủy văn xây dựng văn bản gửi đến các ngành (*Sở Công Thương, Sở Xây dựng, UBND huyện B, UBND xã Đ và Công ty TNHH S*) để Thông báo hoãn thời gian kiểm tra thực địa mỏ Đ tại Công văn số 2885/STNMT - KSN, ngày 08/10/2021 và bị cáo T đã ký ban hành văn bản.

[4] Bị cáo Đặng Văn T là Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, là người có chức vụ, quyền hạn được phân công nhiệm vụ chỉ đạo, giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực: Bảo vệ môi trường; Khoa học công nghệ; Quản lý khoáng sản,...; trực tiếp phụ trách Phòng Khoáng sản, nước, khí tượng thủy văn,... theo Quyết định số 165/QĐ-STNMT ngày 02/7/2021 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang; tham mưu thực hiện việc kiểm tra, nghiệm thu các hạng mục công trình theo Đề án đóng cửa mỏ Mangan Đ đã được phê duyệt theo Quyết định số 122/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 theo Kết luận của Ban Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường. Là người có năng lực trách nhiệm hình sự, vì động cơ vụ lợi cá nhân, bị cáo đã bất chấp pháp luật, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao để nhận số tiền 50.000.000 đồng của ông Lê Khả C và hướng dẫn, hứa hẹn với ông C sẽ lùi thời gian kiểm tra mỏ quặng theo Giấy mời số 2839/STNMT - KSN ngày 05/10/2021 mà bị cáo T đã ký ban hành. Hành vi của bị cáo Đặng Văn T là nguy hiểm cho xã hội, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, làm cho cơ quan, tổ chức bị suy yếu, mất uy tín, làm cho nhân dân mất niềm tin vào Đảng và Nhà nước. Hành vi của bị cáo Đặng Văn T đã phạm tội "Nhận hối lộ" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung hình phạt "*Tiền, tài sản trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng*". Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng.

[5] Các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[6] Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án, truy tố, xét xử, bị cáo đã nhận thức rõ sai phạm; thành khẩn khai báo, ăn năn hối

cải; khi được ông C điện thoại đòi lại số tiền 50.000.000 đồng, bị cáo đã chủ động gặp ông C để trả lại số tiền khắc phục hậu quả; trong quá trình công tác, bị cáo có rất nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển của tỉnh Hà Giang, của ngành Môi trường, được tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, nhiều Bằng khen của các cấp bộ ngành, UBND tỉnh và nhiều giấy khen; bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có anh trai ruột là thương binh, bố đẻ là người có công với cách mạng, bác ruột là liệt sỹ; hiện nay bị cáo đang mắc các bệnh mãn tính (*Sơ Gan, u gan, sỏi mật*), do đó sức khỏe rất yếu, đi lại rất khó khăn; là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt: Trong những năm qua, tình hình tội phạm tham nhũng, chức vụ diễn biến hết sức phức tạp có chiều hướng gia tăng, làm xói mòn niềm tin của người dân đối với Đảng, Nhà nước; cả hệ thống chính trị và nhân dân trong cả nước đã và đang chung sức vào công cuộc đấu tranh phòng chống tham nhũng, tiêu cực; nên cần áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự về tù có thời hạn, xét xử bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo; đảm bảo tính răn đe riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này. Tuy nhiên, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên cần áp dụng khoản 3 Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm được trở về đoàn tụ với gia đình, người thân và để có điều kiện chữa trị bệnh tật, đồng thời cũng để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội đã biết ăn năn hối cải.

[8] Về áp dụng biện pháp ngăn chặn: Căn cứ Điều 121 Bộ luật Tố tụng hình sự, tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn là cho bảo lãnh đối với bị cáo với thời hạn kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

[9] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 354 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định "*Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*". Cấm bị cáo Đặng Văn T đảm nhiệm chức vụ quản lý trong thời hạn nhất định kể từ ngày chấp hành án xong hình phạt. Hiện nay, bị cáo đã nghỉ việc, không có thu nhập, thường xuyên ốm đau phải đi khám, điều trị chữa bệnh, hoàn cảnh kinh tế hiện tại của bị cáo phải phụ thuộc vào gia đình, không có tài sản gì lớn, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[10] Xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã tạm thu giữ các vật chứng, đồ vật như sau:

[11] Đối với vật chứng Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Hà Giang đã ra Quyết định xử lý vật chứng, xử lý đồ vật tài liệu: Trả lại cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang: 01 (một) chiếc máy tính Laptop, nhãn hiệu HP ProBook, màu đen; 01 (một) chiếc máy tính Laptop, nhãn hiệu Microsoft, màu đen, đã qua sử dụng; 05 (năm) tập tài liệu gồm: 01 (một) tập tài liệu, liên quan

đến thủ tục đầu tư dự án khu đô thị mới phường Ngọc Hà, thành phố Hà Giang; 01 tập tài liệu, kết quả thanh tra Công ty cổ phần đầu tư khai thác khoáng sản và xây dựng M; 02 tập tài liệu xác minh giải quyết đơn đề nghị của các hộ dân trong khu vực mỏ Mangan B, xã N, huyện V; 01 tập tài liệu thẩm định dự án đầu tư Khu du lịch sinh thái B, xã P, thành phố Hà Giang; 03 quyển sổ đăng ký công văn đi năm 2021 (*Quyển sổ thứ nhất, quyển sổ thứ hai và quyển sổ thứ 5*). Trả lại cho bị can Đặng Văn T: 01 điện thoại di động, IPHONE 12 Mini, có số IMEI: 353021114516759, loại màn hình cảm ứng, màu xanh đen, gắn sim Vinaphone số: 0913.014.384, đã qua sử dụng; 01 (một) quyển sổ ghi chép (*bìa màu vàng, có dòng chữ NOTE Book*). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Giang, bị cáo T không có ý kiến và đề nghị, nên HĐXX không xem xét.

[12] Vật chứng chuyển sang Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang: HĐXX căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý như sau: Số tiền 50.000.000 đồng là do bị cáo T đã trả lại cho ông C và ông C đã nộp lại cho Cơ quan điều tra là số tiền bị cáo T thực hiện hành vi phạm tội mà có, cần tuyên tịch thu sung ngân sách Nhà nước. 02 chiếc điện thoại, trong đó có 01 chiếc điện thoại thu giữ của bị cáo T và 01 chiếc điện thoại thu giữ của ông C, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần tuyên trả lại cho bị cáo T và ông C.

[13] Các nội dung khác có liên quan đến vụ án:

[14] Trong vụ án này, đối với ông Lê Khả C: Là người tố giác tội phạm, từ việc tố giác tội phạm của ông C đã giúp cơ quan điều tra phát hiện ra vụ án: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 29; khoản 7, Điều 364 Bộ luật Hình sự quy định về căn cứ miễn trách nhiệm hình sự và quy định việc miễn trách nhiệm hình sự cho người tố giác tội phạm nhận hối lộ; khoản 4, Điều 4 Luật phòng chống tham nhũng; các Nghị định số 42/2010, ngày 15/4/2010; Nghị Định số 76/2012, ngày 03/10/2012; Thông tư liên tịch số 01/2015, ngày 16/3/2015; và Nghị Quyết số 03/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật Hình sự trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ đều có những điều khoản quy định khuyến khích, khen thưởng, bảo vệ và miễn trách nhiệm hình sự, hình phạt cho người tố cáo tham nhũng, theo các quy định trên đã quy định việc bảo vệ người tố giác tội phạm đồng thời khuyến khích mọi người dân tố giác hành vi tiêu cực, tham nhũng, nhận hối lộ, góp phần vào việc đấu tranh, phát hiện, xử lý các vụ việc tham nhũng, nhận hối lộ. Từ việc vận dụng chính sách pháp luật trên, Cơ quan CSĐT đã miễn trách nhiệm hình sự đối với ông Lê Khả C từ giai đoạn điều tra; do đó HĐXX không xem xét.

[15] Đối với Trần Văn P, Lê Duy T1 và Bùi Duy C1: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra xác định, những người này không cùng ý chí đưa tiền hối lộ cho bị cáo T, bởi các căn cứ sau: Việc chuyển số tiền 150 triệu đồng cho ông Lê Khả C các đối tượng khai là sẽ chi số tiền này vào việc tiếp khách, ngoại giao và chi tiền xăng xe trong quá trình xin giấy phép khai thác tận thu mỏ Mangan Đ; các đối tượng không thống nhất sẽ chi cho ai, bao nhiêu tiền cụ thể. Do đó không đủ

căn cứ chứng minh những người này cùng có thực hiện hành vi đưa hối lộ với ông Lê Khả C nên không xem xét xử lý bằng pháp luật hình sự là có căn cứ.

[16] Đối với ông Tô Danh X và ông Phạm Công N là những người không biết hành vi đưa hối lộ và nhận hối lộ trong vụ án, do đó cơ quan CSĐT không đề cập xử lý bằng pháp luật hình sự là có căn cứ.

[17] Từ những nhận định nêu trên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang truy tố bị cáo Đặng Văn T về tội "Nhận hối lộ" quy định tại điểm a khoản 1 Điều 354 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội; nội dung luận tội và ý kiến, quan điểm đề nghị về tội danh, áp dụng điều luật, xử lý vật chứng của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Giang tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận. Tuy nhiên, HĐXX không chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Văn T.

[18] Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 123 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[18] Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 354, điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 54, Điều 38, Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 121, Điều 136, Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/ NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn T phạm tội "Nhận hối lộ".

2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn T **15 (Mười lăm)** tháng tù, thời hạn tù tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án phạt tù; được khấu trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/5/2022 đến ngày 18/10/2022.

- Hình phạt bổ sung: Cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý đối với bị cáo Đặng Văn T trong thời hạn 02 (Hai) năm kể từ ngày chấp hành án xong hình phạt tù.

- Tiếp tục áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đối với bị cáo với thời hạn là kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi bị cáo đi chấp hành án phạt tù.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), đã chuyển vào tài khoản Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

3.2. Trả lại vật chứng không liên quan đến tội phạm:

- Trả lại cho bị cáo Đặng Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, có số IMEI: 013849004686023, gắn sim VIETTEL số: 0979.769.636, màu vàng đồng, có ốp phía sau, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại (điện thoại của Đặng Văn T).

- Trả lại cho ông Lê Khả C, địa chỉ số nhà 293a, đường L, tổ 14, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang 01 điện thoại di động Iphone 12, màu vàng đồng, có ốp phía sau, điện thoại đã cũ, đã qua sử dụng, không bật được nguồn không kiểm tra được tình trạng hoạt động bên trong điện thoại do Cơ quan điều tra tạm giữ của Lê Khả C trong vụ án: "*Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên, xảy ra tại Thôn B, xã D, huyện B*".

Đặc điểm, tình trạng các vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/3/2023 giữa Công an tỉnh Hà Giang và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang.

4. Về án phí: Bị cáo Đặng Văn T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- PC01, PC03, PC10 Công an tỉnh Hà Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Giang;
- Phòng KTNV & THA - TAND tỉnh Hà Giang;
- Bộ phận HCTP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Thị Thanh Loan